

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ E-ĐKCT phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

E-ĐKC 1.1	Chủ đầu tư là: Tổng công ty Điện lực miền Bắc Địa chỉ của Chủ đầu tư: Số 11 phố Cửa Bắc, Phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam Đại diện Chủ đầu tư (bên mời thầu): Công ty điện lực Nghệ An – Chi nhánh Tổng công ty điện lực miền Bắc Địa chỉ: Số 2 đường Duy Tân phường Trường Vinh tỉnh Nghệ An Điện Thoại 02382 618688 số fax: 02388 6916695
E-ĐKC 1.3	Nhà thầu:___ [ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu].
E-ĐKC 1.11	Địa điểm dự án: Nhà điều hành và các đội QLĐL khu vực thuộc Công ty Điện lực Nghệ An.
E-ĐKC 2.2 (i)	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng: 1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phạm vi cung cấp và bảng giá cùng các bảng phụ lục khác); 2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng (Nếu có); 3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; 4. E-ĐKCT của hợp đồng; 5. E-ĐKC của hợp đồng; 6. E-HSDT và các văn bản làm rõ E-HSDT của nhà thầu trúng thầu (nếu có); 7. E-HSMT và các tài liệu sửa đổi E-HSMT (nếu có); 8. Bản vẽ thiết kế đính kèm E-HSMT; 9. Các cam kết bảo hành, bảo trì, cam kết tuân thủ E-HSMT; 10. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).
E-ĐKC 4.1	Các thông báo cần gửi về Chủ đầu tư theo địa chỉ dưới đây: Nơi nhận: Ban quản lý dự án - Công ty Điện lực Nghệ An; Số 2, đường Duy Tân - Phường Trường Vinh - Tỉnh Nghệ An Người nhận: Tạ văn Hoài - Trưởng Ban Số tầng/số phòng: Tầng 5 Số điện thoại: 02382.618.688; 02382 601.666 Email: hoaip8@gmail.com
E-ĐKC 5.2	- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng:3% Giá hợp đồng (bao gồm cả thuế, phí, lệ phí). - Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến hết ngày thứ 28 sau khi Bên B hoàn thành tất cả Công việc của Hợp đồng và

	Bên A nhận được Bảo lãnh bảo hành trị giá 5% giá trị hợp đồng (bao gồm cả thuế, phí, lệ phí) từ Nhà thầu. Trường hợp Bên B là nhà thầu liên danh thì từng thành viên phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên A, mức bảo đảm tương ứng với phần giá trị hợp đồng mà mỗi thành viên thực hiện. Nếu Liên danh có thỏa thuận nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng thì nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị là 3 phần trăm (%) giá trị của hợp đồng cho Bên A và từng thành viên liên danh phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho nhà thầu đứng đầu liên danh tương ứng với giá trị hợp đồng do mình thực hiện. - Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: Trước hoặc cùng thời điểm hợp đồng có hiệu lực, Nhà thầu sẽ phải nộp một Bảo đảm thực hiện HĐ cho Chủ đầu tư (01 bản gốc và 05 bản sao y của Ngân hàng phát hành). - Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo lãnh thực hiện hợp đồng là bảo lãnh cam kết Thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang và không phải chứng minh hoặc nêu ra căn cứ hoặc lý do yêu cầu được thanh toán cho Chủ đầu tư. Bảo đảm thực hiện hợp đồng được ghi bằng đồng tiền của hợp đồng và phải do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp có uy tín tại Việt Nam hoặc một Ngân hàng nước ngoài (được Chủ đầu tư chấp nhận) phát hành, theo mẫu đã quy định trong E-HSMT, phát hành 01 bản gốc duy nhất. Trường hợp bảo đảm do một ngân hàng nước ngoài phát hành thì phải phát hành thông qua chi nhánh tại Việt Nam (nếu có) hoặc được một ngân hàng của Việt Nam xác nhận có quan hệ đại lý với ngân hàng phát hành trên. - Tịch thu bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau: + Bên B từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực; + Bên B vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng; + Bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình; + Bên B không gia hạn bảo lãnh đúng hạn theo quy định của Hợp đồng; + Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền thanh toán cho hợp đồng này sai mục đích. Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh. Trường hợp hàng hóa được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng vẫn còn các tồn tại mà Bên B phải khắc phục thì Bên B phải gia hạn bảo lãnh thực hiện hợp đồng và phải chịu mọi chi phí cho việc khắc phục.
E-ĐKC 5.4	Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ tự động hết hạn sau 28 ngày kể từ ngày Nhà thầu hoàn tất việc giao hàng và các dịch vụ quy định trong

	Hợp đồng và Chủ đầu tư nhận được bản gốc Bảo lãnh bảo hành trị giá 5% giá trị hợp đồng (bao gồm cả thuế, phí, lệ phí) từ Nhà thầu.
E-ĐKC 6.1	Danh sách nhà thầu phụ: <i>Không áp dụng</i>
E-ĐKC 7.2	- Thời gian để tiến hành hòa giải: 30 ngày kể từ ngày có tranh chấp phát sinh. - Giải quyết tranh chấp: Trong thời hạn 28 ngày kể từ ngày các bên nhận được kết luận hòa giải của ban xử lý tranh chấp, nếu một bên không đồng ý kết luận hòa giải của ban xử lý tranh chấp thì có quyền phản đối và các tranh chấp này sẽ được giải quyết tại Trọng tài hoặc Tòa án theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp quá thời hạn nêu trên không bên nào phản đối kết luận hòa giải thì coi như các bên đã thống nhất với kết luận hòa giải. Khi đó các bên phải thực hiện theo kết luận hòa giải. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng hoà giải thì sẽ được giải quyết thông qua Toà án Kinh tế Việt Nam. Quyết định của Toà án được coi là phán quyết cuối cùng và có hiệu lực bắt buộc thi hành với cả 2 bên. Bên thua kiện sẽ phải chịu án phí. Thời hiệu khởi kiện theo thủ tục trọng tài hoặc thời hiệu khởi kiện lên Tòa án giải quyết tranh chấp được thực hiện theo quy định có liên quan của pháp luật
E-ĐKC 9	<i>Nhà thầu phải cung cấp các thông tin và chứng từ sau đây về việc vận chuyển hàng hóa:</i> Nhà thầu sẽ thông báo cho Chủ đầu tư ngày vận chuyển hàng hóa của mỗi chuyến không muộn hơn 15 ngày và gửi 01 bộ tài liệu sau đây cho Chủ đầu tư: - Bảng kê đóng gói hàng hóa: 1 bản gốc và 05 bản sao y công chứng; - Vận đơn: 06 bản sao y của nhà nhập khẩu (đối với hàng hóa được cung cấp từ nước ngoài); - Chứng nhận Chất lượng, số lượng do Nhà sản xuất ban hành: 06 bản sao y công chứng; 01 gốc và 05 bản sao y của nhà cung cấp (đối với hàng hóa trong nước); - Chứng chỉ xuất xứ hàng hóa do cơ quan có thẩm quyền của nước sản xuất cấp (C/O): 06 bản sao y công chứng (đối với hàng được cung cấp từ nước ngoài); - Báo cáo thử nghiệm xuất xưởng được ban hành bởi Nhà sản xuất: 01 bản gốc và 05 bản sao y công chứng; - Chứng nhận bảo hành của Nhà sản xuất hoặc Nhà cung cấp: 01 bản gốc và 05 bản sao y công chứng; - Biên bản kiểm tra chất lượng hàng hóa được thực hiện bởi đơn vị thí nghiệm độc lập (đối với dây dẫn và cáp điện....) tuân thủ theo quy định tại văn bản số 5539/EVNNPC-KT và văn bản số

	3029/EVNNPC-KT ngày 09/6/2021 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc hoặc các văn bản sửa đổi thay thế khác (nếu có): 01 bản gốc và 06 bản sao. Chủ đầu tư phải nhận được tất cả các tài liệu trên kèm 01 file scan hồ sơ gốc ít nhất là 01 tuần trước khi Nhà thầu vận chuyển hàng hóa. Nếu Chủ đầu tư không nhận được hoặc tài liệu không phù hợp, Nhà thầu sẽ phải chịu các chi phí phát sinh. Tài liệu kỹ thuật: + Trong quá trình thiết kế, Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư các bản vẽ và các đặc tính kỹ thuật của hàng hoá để Chủ đầu tư xem xét. + Nhà thầu phải cung cấp cho Chủ đầu tư các tài liệu kỹ thuật đáp ứng phần việc thiết kế thi công của Chủ đầu tư và thiết kế sản xuất của Nhà sản xuất trong vòng 08 tuần sau ngày hợp đồng có hiệu lực. + Nhà thầu phải nộp 7 bản sao các bản vẽ và các tài liệu liên quan đến các bản vẽ và công việc thiết kế cho Chủ đầu tư, trong đó ghi rõ “Bản vẽ để xem xét” + Không quá 2 tuần sau khi nhận được các bản vẽ và các tài liệu kỹ thuật liên quan nói trên, Chủ đầu tư sẽ gửi lại Nhà thầu một bản sao trong đó ghi rõ những sửa đổi của Chủ đầu tư, nếu có. + Các bản vẽ được gửi lại Nhà thầu có ghi rõ “Gửi lại để hiệu chỉnh” sẽ được Nhà thầu hiệu chỉnh và gửi cho Chủ đầu tư để xem xét thêm. Nếu Nhà thầu chấp nhận các sửa đổi trong bản vẽ “Gửi lại để hiệu chỉnh”, họ có thể tiếp tục sản xuất các hàng hoá đó. + Trong vòng 4 tuần kể từ khi nộp bản vẽ mà Nhà thầu không nhận được trả lời của Chủ đầu tư, bản vẽ đó coi như đã được Chủ đầu tư xem xét. + Việc xem xét các bản vẽ của Chủ đầu tư không làm giảm trách nhiệm hợp đồng của Nhà thầu, đặc biệt là về chất lượng và tiến độ giao hàng. + Trước khi giao hàng lên phương tiện vận chuyển, Nhà thầu sẽ nộp cho Chủ đầu tư 7 bản sao các tài liệu Chỉ dẫn lắp đặt, vận hành và bảo dưỡng như sau: 6 bản sao sẽ được gửi bằng đường phát chuyển nhanh 1 tháng trước ngày giao hàng; 1 bản sao sẽ được gửi cùng với hàng hoá, được đóng gói sao cho đáp ứng yêu cầu vận tải. Chủ đầu tư phải nhận được các tài liệu chứng từ nói trên trước khi Hàng hóa đến nơi, nếu không Nhà thầu sẽ phải chịu trách nhiệm về bất kỳ chi phí nào phát sinh do việc này.
E-ĐKC 11.1	Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói

E-ĐKC 11.2	Giá hợp đồng: Cố định
E-ĐKC 12.3	Điều chỉnh thuế: Theo quy định hiện hành của nhà nước. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời Nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.
E-ĐKC 13.1	Việc tạm ứng cho Nhà thầu theo hợp đồng sẽ được thực hiện theo các điều khoản và phương pháp sau đây: - Đồng tiền thanh toán: Đồng Việt Nam (VNĐ). - Hình thức: chuyển khoản - Về tạm ứng HĐ: + Giá trị: Mức tạm ứng HĐ 10% giá trị hợp đồng trước thuế. Sẽ được thanh toán trong vòng 60 ngày làm việc kể từ ngày Chủ đầu tư nhận được các chứng từ sau: + Chứng từ tạm ứng: - Thư yêu cầu tạm ứng: 06 bản gốc; - Bảo đảm thực hiện hợp đồng: 01 bản gốc và 05 bản sao y của ngân hàng phát hành; - Bảo lãnh tạm ứng có giá trị tương ứng số tiền tạm ứng: 01 bản gốc và 05 bản sao y của Ngân hàng phát hành. Bảo lãnh tạm ứng phải có hiệu lực đến khi bên giao thầu thu hồi hết số tiền tạm ứng. Giá trị của bảo lãnh tạm ứng hợp đồng sẽ được giảm dần tương ứng với giá trị tiền tạm ứng đã thu hồi qua mỗi lần thanh toán giữa các bên. - Bảo lãnh tạm ứng phải là bảo lãnh cam kết thanh Thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang và không phải chứng minh hoặc nêu ra căn cứ hoặc lý do yêu cầu được thanh toán cho Chủ đầu tư và do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp và có uy tín tại Việt Nam phát hành với số tiền tương đương số tiền tạm ứng. + Tiền tạm ứng sẽ được thu hồi hết ngay lần thanh toán đầu tiên. + Tịch thu bảo lãnh tạm ứng: Chủ đầu tư có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong các trường hợp sau: Chủ đầu tư có bằng chứng trong việc Nhà thầu sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích; Chủ đầu tư có quyền khấu trừ hoặc tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp Nhà thầu vi phạm các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc từ chối gia hạn bảo lãnh theo quy định. Nhà thầu không bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng theo quy định. Chủ đầu tư có quyền khấu trừ hoặc tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp Nhà thầu vi phạm các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc từ

	chối gia hạn bảo lãnh theo quy định. Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Chủ đầu tư có quyền tịch thu bảo lãnh. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Chủ đầu tư lựa chọn khấu trừ bất kỳ khoản tiền nào mà Nhà thầu có nghĩa vụ chi trả theo hợp đồng thì sau đó Nhà thầu có trách nhiệm phải bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng như quy định nếu không Chủ đầu tư có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng.
E-ĐKC 14.2	Việc thanh toán cho Nhà thầu theo hợp đồng sẽ được thực hiện theo các điều khoản và phương pháp sau đây: - Đồng tiền thanh toán: Đồng Việt Nam (VNĐ). - Hình thức thanh toán: Chuyển khoản. - Thanh toán khi hoàn thành: Toàn bộ giá trị của hàng hóa và dịch vụ của hợp đồng sẽ được thanh toán sau khi có thông báo kết quả thử nghiệm đạt yêu cầu tương ứng của NPCETC và hàng hóa được nghiệm thu, bàn giao, hai bên ký quyết toán A-B và nhà thầu xuất trình đủ các tài liệu dưới đây: + Thư yêu cầu thanh toán: 06 bản gốc (04 bản thanh toán tiền hàng và 02 bản thanh toán tiền thuế). + Hóa đơn VAT hợp lệ: 01 bản chuyển đổi và 06 bản sao. + Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo PL3a Nghị định 99/2021 Ngày 11/11/2021: 06 bản gốc + Chứng chỉ chất lượng, số lượng của Nhà sản xuất (C/Q): 06 bản sao công chứng (đối với hàng hóa nhập khẩu); 01 gốc và 06 bản sao y của nhà thầu (đối với hàng hóa trong nước). + Chứng chỉ xuất xứ hàng hóa do cơ quan có thẩm quyền của nước sản xuất cấp (C/O): 06 bản sao y công chứng (đối với hàng được cung cấp từ nước ngoài). + Vận đơn (đối với hàng được cung cấp từ nước ngoài): 02 bản sao y của nhà nhập khẩu. + Biên bản mở kiểm nghiệm thu và Biên bản giao nhận vật tư thiết bị có ký xác nhận của bên A và bên B: 01 bản gốc + Chứng nhận bảo hiểm hàng hóa trong quá trình vận chuyển VTTB: 01 gốc và 02 bản sao; + Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành có đại diện Bên A và đại diện bên B (theo mẫu biên bản nghiệm thu chất lượng có ghi khối lượng) hạng mục lắp đặt VTTB: 06 bản gốc; + Chứng chỉ chấp nhận hàng hóa do Chủ đầu tư phát hành: 06 bản gốc. + Bảo lãnh bảo hành với giá trị bằng 5% giá trị hợp đồng: 01 bản gốc và 06 bản sao y của ngân hàng phát hành.

E-ĐKC 15.2	Quyền: ____ [<i>trường hợp gói thầu hàng hóa cần có quy định về quyền, nghĩa vụ của chủ đầu tư, nhà thầu về quyền tác giả và các quyền khác thì chủ đầu tư quy định rõ tại Mục này</i>]
E-ĐKC 18.2	Đóng gói, ghi chú cùng tài liệu kèm theo bên trong và bên ngoài kiện hàng như sau: a) Hàng hoá phải được đóng gói bằng các phương pháp bảo vệ và chống ăn mòn để đảm bảo không bị hư hỏng hay ăn mòn dưới điều kiện khí hậu nhiệt đới phù hợp với hướng dẫn bảo quản của bên bán cũng như đảm bảo cho hàng hoá không bị hư hỏng trong quá trình vận chuyển, bốc dỡ và lưu kho dài ngày. (b) Tất cả các kiện hàng có trọng lượng từ 03 tấn chở lên hoặc kích cỡ từ 1m³ trở lên cần phải được đánh dấu trọng tâm của kiện hàng đó bằng ký hiệu “0” hoặc hai chữ “TT”. (c) Người bán sẽ gắn nhãn hàng hoá ghi bằng sơn không phai trên bề mặt của mỗi kiện/thùng hàng: ▪ Người nhận: Ban Quản lý dự án – PCNA ▪ Tên dự án: ▪ Số Hợp đồng: ▪ Nhà sản xuất: ▪ Kiện số...lô số... ▪ Mô tả (hàng hóa bên trong) Trọng lượng
E-ĐKC 19	Nội dung bảo hiểm: Bên B chịu trách nhiệm mua bảo hiểm hàng hoá và bảo hiểm vận chuyển đến địa điểm giao hàng theo quy định hiện hành của Nhà nước.
E-ĐKC 20.1	* Trách nhiệm vận chuyển hàng hóa được thực hiện như sau: - Thời hạn giao hàng: Trong vòng 30 ngày kể từ ngày ký hợp đồng. - Nhà thầu phải vận chuyển hàng hoá đến địa điểm thực hiện dự án.

	Mọi chi phí liên quan đến việc vận chuyển hàng hoá đến địa điểm đó, bao gồm cả chi phí bảo hiểm và bốc dỡ hàng hóa và lưu kho sẽ do Nhà thầu chịu. Việc giao hàng chỉ coi là hoàn tất khi tất cả hàng hóa đã được Chủ đầu tư nhận và đặt dưới sự kiểm soát của Chủ đầu tư tại địa điểm thực hiện dự án trong tình trạng nguyên vẹn, không hư hỏng, mất mát. - Địa điểm: Nhà điều hành và các đội QLĐL khu vực thuộc Công ty Điện lực Nghệ An. * Yêu cầu về Trách nhiệm của nhân sự hướng dẫn lắp đặt đối với các hợp đồng có bao gồm phạm vi mua sắm vật tư thiết bị kèm dịch vụ hướng dẫn lắp đặt. Nhà thầu phải cung cấp tài liệu hướng dẫn lắp đặt, thí nghiệm, vận hành thử nghiệm, nghiệm thu của tất cả các thiết bị theo hợp đồng một cách đầy đủ, rõ ràng, chi tiết, dễ hiểu để cho các nhà thầu chuyên nghiệp về lắp đặt thiết bị có thể tiến hành công tác lắp đặt, thí nghiệm, chạy thử mà không phụ thuộc vào sự hướng dẫn của chuyên gia nhà máy chế tạo tại hiện trường. Đối với những thiết bị cần thiết phải có mặt của chuyên gia nhà thầu giám sát quá trình lắp ráp, thí nghiệm, hiệu chỉnh và chạy thử thì nhà thầu phải đảm bảo cho các chuyên gia có mặt trên công trường để thực hiện nhiệm vụ, đồng thời phải đưa ra các khuyến nghị sửa chữa bằng văn bản tới Chủ đầu tư trong trường hợp nhà thầu lắp thực hiện không đúng yêu cầu đã được hướng dẫn. Trường hợp nếu chuyên gia không đưa ra các chỉ dẫn, khuyến cáo chủ đầu tư kịp thời thì nhà thầu phải chịu trách nhiệm về chất lượng thiết bị đã lắp ráp. * Yêu cầu về Không ràng buộc và hạn chế liên quan đến cung cấp các dịch vụ tư vấn kỹ thuật, vật tư thiết bị dự phòng/thay thế sau thời gian bảo hành Nhà thầu cam kết Nhà thầu và Nhà sản xuất các thiết bị chính tham gia cung cấp vật tư thiết bị trong Hợp đồng này sẽ không đưa ra bất cứ sự ràng buộc, hạn chế nào trong việc cung cấp các dịch vụ tư vấn kỹ thuật, cung cấp vật tư thiết bị dự phòng/thay thế sau thời gian bảo hành của Hợp đồng. Cam kết này bao gồm nhưng không giới hạn tới các quy định cản trở sự tiếp cận của Chủ đầu tư tới các dịch vụ và vật tư thiết bị nêu trên nhằm nâng cao độ tin cậy vận hành của thiết bị/hệ thống.
E-ĐKC 20.2	Các dịch vụ bao gồm: _____ <i>[mô tả cụ thể các dịch vụ]</i> .
E-ĐKC 21.1	Kiểm tra và thử nghiệm hàng hoá: Kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa trước khi giao hàng và nhận hàng như sau: (a) Kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa tại xưởng trước khi giao hàng như quy định trong Tiêu chuẩn kỹ thuật. Việc Chủ đầu tư tham gia chứng kiến thử nghiệm tại nhà máy sản xuất (nếu có) sẽ không miễn trừ các nghĩa vụ và trách

	nhiệm mà nhà thầu phải thực hiện theo quy định tại hợp đồng. (b) Trong quá trình nghiệm thu, nếu kết quả thử nghiệm hàng hóa được cung cấp không đáp ứng yêu cầu quy định trong Tiêu chuẩn kỹ thuật, Chủ đầu tư có thể từ chối toàn bộ các hạng mục hàng hóa và Nhà thầu phải thay thế miễn phí các hàng hóa bị từ chối hoặc thực hiện miễn phí các thay thế cần thiết để đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn. Trong trường hợp sai khác hoặc không phù hợp, Nhà thầu phải chịu trách nhiệm cung cấp, thay thế các hàng hóa lỗi trong vòng 08 tuần sau khi nhận được thông báo từ Chủ đầu tư trên cơ sở địa điểm giao hàng, bao gồm thuế nhập khẩu, phí bốc dỡ chậm, phí kiểm tra và thử nghiệm và các chi phí liên quan cho việc thay thế, đổi hàng, chi phí do Nhà thầu chịu. Chủ đầu tư sẽ trả lại các hàng hóa không phù hợp theo yêu cầu của nhà cung cấp và chi phí do Nhà thầu chịu trên cơ sở giá giao tại chân công trình. - Đối với Biến dòng điện, biến điện áp 35kV, 22kV phục vụ đo đếm sẽ được kiểm tra và phê duyệt mẫu của Tổng cục đo lường chất lượng Việt Nam hoặc các đơn vị khác có thẩm quyền. Kết luận kiểm tra của mẫu của Tổng cục đo lường chất lượng Việt Nam hoặc Viện đo lường Việt Nam sẽ dựa trên những đặc tính kỹ thuật được đảm bảo bởi nhà thầu. Nếu kết quả thử nghiệm là không đáp ứng, Chủ đầu tư có thể từ chối toàn bộ các hạng mục/lô hàng hoá và nhà thầu phải thay thế toàn bộ các hàng hoá bị từ chối hoặc thực hiện sự thay thế cần thiết để đáp ứng các yêu cầu tiêu chuẩn và chi phí do nhà thầu chịu. - Đối với dây dẫn, cáp lực và cách điện phải được thí nghiệm theo văn bản số 5539/EVNNPC-KT của Tổng Công ty Điện lực miền Bắc về việc Ban hành và áp dụng yêu cầu kỹ thuật đối với dây và cáp điện và văn bản 3029/EVNNPC-KT ngày 09/06/2021 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc về việc kiểm soát chất lượng VTTB trước khi lắp đặt. Nếu kết quả thử nghiệm là không đáp ứng, Chủ đầu tư có thể từ chối toàn bộ các hạng mục/lô hàng hóa, và Nhà thầu phải thay thế toàn bộ các hàng hóa bị từ chối hoặc thực hiện sự thay thế cần thiết để đáp ứng các yêu cầu tiêu chuẩn và chi phí do Nhà thầu chịu. Các nội dung khác theo Chương V. E-HSMT. <i>Tất cả các chi phí liên quan tới việc kiểm tra trên sẽ do Nhà thầu chịu.</i> Trong trường hợp nhà thầu không cung cấp hàng hóa thay thế theo quy định nêu trên thì chủ đầu tư có quyền mua hàng của đơn vị khác để thay thế theo đúng loại hàng hóa ghi trong hợp đồng và nhà thầu phải trả khoản tiền chênh lệch và các chi phí liên quan nếu có.
E-ĐKC 21.2	Việc kiểm tra hàng hóa được thực hiện tại: Nhà điều hành và

	các đội QLĐL khu vực thuộc Công ty Điện lực Nghệ An.
E-ĐKC 22	<i>Căn cứ quy mô, tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định cụ thể nội dung này theo một trong các cách thức sau:</i> - Chỉ áp dụng phạt vi phạm hợp đồng. - Chỉ áp dụng bồi thường thiệt hại. - Vừa áp dụng phạt vi phạm hợp đồng vừa áp dụng bồi thường thiệt hại. 1. Phạt vi phạm hợp đồng :___ [ghi “Áp dụng” hoặc “Không áp dụng”]. <i>Trường hợp áp dụng phạt vi phạm hợp đồng thì quy định như sau:</i> Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Mục 26 E-ĐKC, nếu Nhà thầu không thể giao hàng hay cung cấp các dịch vụ liên quan theo đúng thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Chủ đầu tư có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền phạt tương ứng với :___%/tuần (hoặc ngày, tháng...) [ghi cụ thể mức khấu trừ là bao nhiêu % giá trị phần hàng hóa giao chậm hoặc phần dịch vụ liên quan hoàn thành chậm] cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Chủ đầu tư sẽ khấu trừ đến ___ % [ghi mức phạt tối đa]. Khi đạt đến mức phạt tối đa, Chủ đầu tư có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Mục 29 E-ĐKC. 2. Bồi thường thiệt hại:___ [ghi “Áp dụng” hoặc “Không áp dụng”]. <i>Trường hợp áp dụng bồi thường thiệt hại thì quy định về bồi thường thiệt hại theo một trong các cách thức sau:</i> - Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế; - Bồi thường thiệt hại trên cơ sở một mức xác định. Trong trường hợp này nêu rõ mức bồi thường, phương thức bồi thường... phù hợp với pháp luật dân sự.
E-ĐKC 23.3	Yêu cầu bảo hành: - Nhà thầu phải bảo đảm rằng hàng hoá được cung cấp tuân thủ theo các điều kiện của hợp đồng. Ngoài ra, Nhà thầu phải bảo đảm rằng hàng hoá được cung cấp theo hợp đồng sẽ không có sai sót trong các khâu thiết kế, nguyên liệu, gia công. * Bảo lãnh bảo hành:

	Trong vòng 05 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư phát hành văn bản Chấp thuận hàng hóa, Nhà thầu phải nộp một Bảo lãnh bảo hành với giá trị bằng 5% giá trị hợp đồng (bao gồm thuế, phí, lệ phí). Bảo lãnh bảo hành là bảo lãnh không hủy ngang, theo yêu cầu của Chủ đầu tư, đồng ý vô điều kiện, không yêu cầu nhà thầu phải xem xét trước, độc lập chi trả cho chủ đầu tư và do một Ngân hàng có uy tín ở Việt Nam phát hành. Hiệu lực của bảo lãnh bảo hành: Bảo lãnh bảo hành có hiệu lực trong vòng 05 kể từ ngày Chủ đầu tư phát hành chứng chỉ chấp nhận hàng hóa đến hết 28 ngày sau ngày hết thời gian bảo hành. Trường hợp sửa chữa, thay thế Hàng hóa trong thời gian bảo hành, Bên bán phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh bảo hành này tương ứng với thời gian bảo hành mới. Trường hợp sửa chữa hoặc thay thế Hàng hoá, giai đoạn bảo hành tương ứng của hàng hóa thiết bị đó sẽ được kéo dài thêm khoảng thời gian phù hợp quy định tại Yêu cầu về kỹ thuật và Phạm vi công việc và Tiến độ thực hiện hợp đồng kể từ ngày việc sửa chữa và thay thế đó được Bên A chấp nhận. Nếu các sai sót về mặt kỹ thuật hay hư hỏng xảy ra trong thời gian bảo hành mà nguyên nhân xác định được do lỗi của Bên B thì Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm xử lý sửa chữa, thay thế kịp thời bằng mọi chi phí của Bên B theo thời gian yêu cầu của Bên A. Trước khi tiến hành sửa chữa, Bên B phải gửi kế hoạch và nguyên nhân để Bên A phối hợp thực hiện. Trường hợp quá thời gian quy định theo yêu cầu, Bên B cố tình trì hoãn sửa chữa thì Bên A có quyền thuê các tổ chức khác thực hiện và Bên B phải chịu mọi chi phí liên quan này. Tại thời điểm 28 ngày trước ngày bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà Bên B chưa khắc phục hoàn toàn các tồn tại nêu trên thì Bên B phải gia hạn thời hạn bảo lãnh với toàn bộ giá trị của bảo lãnh bảo hành cho phù hợp với thời gian hai bên đã thống nhất khắc phục các tồn tại và nộp cho Bên A trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày. Trong trường hợp tại thời điểm 28 ngày trước ngày bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà bên B không gia hạn bảo lãnh thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh bảo hành. - Thời gian bảo hành: Thời gian bảo hành 18 tháng kể từ ngày nghiệm thu đưa hàng hóa vào vận hành nhưng không quá 24 tháng kể từ ngày giao hàng cuối cùng (tùy theo điều kiện nào đến trước) và được Chủ đầu tư phát hành văn bản Chấp thuận hàng hóa.
E-ĐKC 23.5 E-ĐKC 23.6	- Việc sửa chữa bảo hành sẽ được thực hiện tại địa điểm lắp đặt VTTB. Đối với các chi tiết VTTB hoặc VTTB phải sửa chữa trong thời gian bảo hành thì thời gian bảo hành phải kéo dài. Thời gian bảo hành kéo dài bằng thời gian bảo hành nêu trên tính từ thời điểm sửa chữa xong đưa thiết bị vào vận hành. - Thời gian sửa chữa các sai sót trong giai đoạn bảo hành không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của bên mua. Khi có yêu

	cầu bảo hành VTTB và phụ kiện, sau 02 ngày kể từ khi nhận được thông báo (qua điện thoại, E-mail hoặc fax) đề nghị Nhà thầu phải có phương án và bắt đầu tiến hành xử lý sự cố. Trường hợp Nhà thầu xử lý chậm hơn thời hạn nói trên, Chủ đầu tư có quyền tự sửa chữa hoặc thuê một đơn vị sửa chữa các sai sót này trên cơ sở giá giao tại chân công trình. Mọi chi phí phát sinh sẽ do Nhà thầu chịu đồng thời không thay đổi các nghĩa vụ hoặc quyền lợi của hai bên đã được quy định trong hợp đồng. Thời gian bảo hành đối với các thiết bị được sửa chữa được tính từ ngày Chủ đầu tư chấp nhận các thiết bị được sửa chữa.
E-ĐKC 27.7 (d)	Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 0% giá trị giảm giá hợp đồng.

